

Bản án số: 30/2026/HS-ST

Ngày: 06/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và ông Lê Văn Vân.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Đăng T, sinh năm 1974 tại Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đăng Đ và bà Trần Thị N; vợ, con: Chưa; Tiền án: Ngày 21/02/2023 Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tiền sự: Không; Nhân thân:

- Ngày 20/5/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 17/11/2011 Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 21/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị giữ từ ngày 20/9/2025 đến ngày 29/9/2025 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Trần Đình Đ, sinh năm 1977 tại Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình Đ và bà

Nguyễn Thị K; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2006.
Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Ngày 30/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng.

- Ngày 05/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xử phạt 03 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/9/2025 đến ngày 29/9/2025 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Đình T, sinh năm 2006; nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/9/2025, tại khu vực thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình, tổ công tác Công an xã B tiến hành tuần tra kiểm soát phát hiện Trần Đình Đ và Trần Đăng T chở nhau trên xe mô tô biển số 90H5-3218 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra phát hiện và thu giữ trên tay trái của Trần Đăng T 01 gói giấy màu trắng bên ngoài dán băng dính màu đen, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT. Tại chỗ, Trần Đăng T và Trần Đình Đ khai gói giấy chứa chất bột màu trắng dạng cục là ma túy, loại Heroine của bị cáo T và Đ mua về rồi chia nhau để sử dụng thì bị Công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật theo quy định.

Ngoài ra khi bắt quả tang còn thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu sơn đen, biển số 90H5-3218.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Đăng T và Trần Đình Đ Cơ quan điều tra không thu giữ tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Ngày 21/9/2025, bị cáo T và Đ tự nguyện cung cấp mẫu nước tiểu của mình. Mẫu nước tiểu của Trần Đăng T đựng trong chai nhựa niêm phong ký hiệu NT1, Mẫu nước tiểu của Trần Đình Đ đựng trong chai nhựa niêm phong ký hiệu NT2.

Tại bản Kết luận giám định số 1125/KL-KTHS ngày 26/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu bột màu trắng dạng cục

trong phong bì ký hiệu QT gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,600g, loại Heroine.

Tại Bản kết luận giám định số 1137/KL-KTHS ngày 27/9/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

- Tìm thấy chất Morphine, Codeine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT1 (ghi thu của Trần Đăng T) gửi giám định.

- Tìm thấy chất Morphine, Codeine trong mẫu nước tiểu ký hiệu NT2 (ghi thu của Trần Đình Đ) gửi giám định.

Về vật chứng vụ án: Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 90H5-3218 là tài sản hợp pháp của anh Trần Đình T1 (là con trai của Trần Đình Đ), Trần Đình Đ mượn chiếc xe này của anh T1 để đi lại, anh T1 không biết sử dụng chiếc xe này để đi mua ma túy về sử dụng. Tiến hành tra cứu chiếc xe này không là tang vật trong vụ án, vụ việc nào khác. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại chiếc xe mô tô 90H5-3218 cho anh T1. Các vật chứng còn lại được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Ninh Bình phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra, truy tố, Trần Đăng T và Trần Đình Đ khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 20/9/2025 T đi bộ đến nhà Đình rử Đ đi mua ma túy về sử dụng, Đ đồng ý rồi Đ điều khiển xe mô tô Air Blade biển số 90H5-3218 chở T đi đến khu vực siêu thị Go Nam Định thuộc phường Đông A, tỉnh Ninh Bình. Đến nơi, T xuống xe, đi bộ một đoạn thì gặp một người đàn ông không quen biết đang đứng ở ven đường hỏi T “*Mua ma túy không, đưa tiền đây*”, thấy vậy T đưa số tiền 500.000đồng cho người này. Sau đó, người này đưa T 01 gói ma túy. T cầm gói ma túy vừa mua được quay lại chỗ Đ đợi rồi Đ chở T đi về. Trên đường đi, T sẽ chia cho Đ một phần gói ma túy vừa mua được để sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi Đ và T đi đến khu vực đường nhựa thuộc thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKS-KV6 ngày 07/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình, truy tố Trần Đăng T và Trần Đình Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 6 - Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với cả 2 bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Trần Đăng T: Tuyên bố các bị cáo Trần Đăng T và Trần Đình Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, xử phạt bị cáo Trần Đăng T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, xử phạt Trần Đình Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Vì T và Đ đều là đối tượng nghiện ma túy. Không có nghề nghiệp, không có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị

tuyên tịch thu và tiêu hủy các vật chứng hoàn lại sau giám định. Đồng thời đề xuất buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Đăng T và Trần Đình Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình đã truy tố; không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, khách quan.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được, kết luận giám định về ma túy và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Hồi 22 giờ 30 phút, ngày 20/9/2025, tại thôn N, xã B, tỉnh Ninh Bình, tổ công tác Công an xã B, tỉnh Ninh Bình tiến hành tuần tra đã phát hiện, bắt quả tang Trần Đăng T, Trần Đình Đ có hành vi cất giữ trái phép 0,600 gam ma túy loại Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Đăng T và Trần Đình Đ đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình truy tố các bị cáo là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị xét xử về tội phạm ma túy.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T đã bị kết án chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Trần Đăng T, Trần Đình Đ đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, đồng thời thể hiện sự ăn năn hối cải về việc mình đã gây ra - Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T có bố đẻ tham gia quân đội được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo được các bị cáo, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng các bị cáo không phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể nên xác định là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Đăng T là người rủ rê, bỏ tiền ra mua ma túy nên giữ vai trò đầu. Bị cáo Trần Đình Đ tiếp nhận ý chỉ, điều khiển xe mô tô chở T đi mua ma túy về sử dụng nên đồng phạm giữ vai trò thứ hai.

Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm chấp hành án, sớm hòa nhập cộng đồng xã hội, đồng thời cũng thấy được tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi và đều là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản, công việc và thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô biển số 90H5-3218 là tài sản hợp pháp của anh Trần Đình T1, anh T1 cho bị cáo Đ mượn chiếc xe này để đi lại, anh T1 không biết Đ sử dụng chiếc xe này để đi mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại chiếc xe mô tô này cho anh T1 là phù hợp.

- Số Heroine còn lại sau giám định là chất cấm thuộc loại Nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ, lưu hành được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình hoàn trả trong phong bì niêm phong số 1125/KTHS nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với việc trong mẫu nước tiểu của Trần Đăng T và Trần Đình Đ có chất ma túy, các bị cáo đều khai nhận: Trước khi bị bắt quả tang khoảng vài ngày, T và Đ mỗi người đều một mình sử dụng ma túy. T và Đ không nằm trong diện đang trong thời hạn cai nghiện ma túy hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy; Đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy. Do đó hành vi sử dụng chất ma túy của T và Đ không phạm vào tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định điều 256a bộ luật hình sự. Công an xã B đã áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với T và Đ theo quy định.

Đối với đối tượng đã bán ma túy cho T như T đã khai, do chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo và thông tin không đầy đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Đăng T, Trần Đình Đ;

Căn cứ khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đăng T;

Tuyên bố các bị cáo Trần Đăng T, Trần Đình Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đăng T 04 (*Bốn*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2025.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình Đ 03 (*Ba*) năm 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2025.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong số 1125/KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, ghi “Mẫu vật hoàn trả QT”.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Đăng T, Trần Đình Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao (vụ GDKT I).
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự, phòng HSNV - Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân